CTCP Gỗ MDF VRG Quảng Trị (UPCOM: MDF)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	6,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.6%	-	-

DT thuần

2024

1,024

tỷ VNĐ

YoY
▲ 239
▲ 30.5%

LN gộp

2024

102

tỷ VNĐ

YoY
▲ 11.5
▲ 12.4%

LN thuần

2024

-1.86

tỷ VNĐ

YoY
▲ 24.6
▲ 93.0%

LN sau thuế

2024

3.39

tỷ VNĐ

YoY
▲ 29.7
▲ 113%

ROE

2024

0.5%

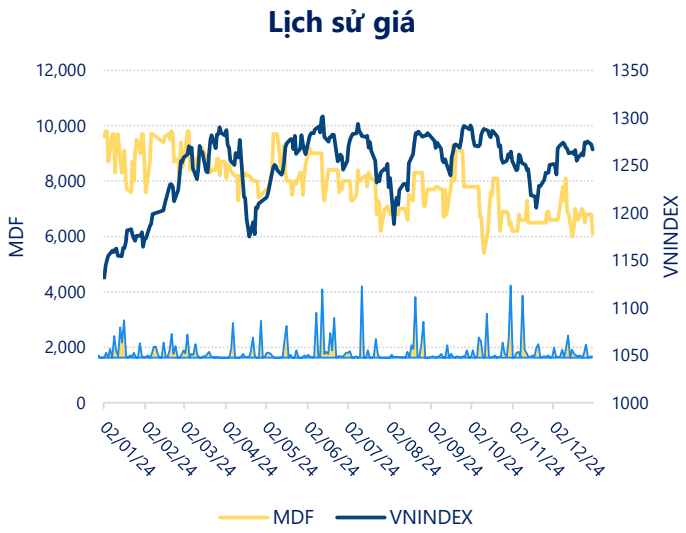
+/- YoY
▲ 4.5%

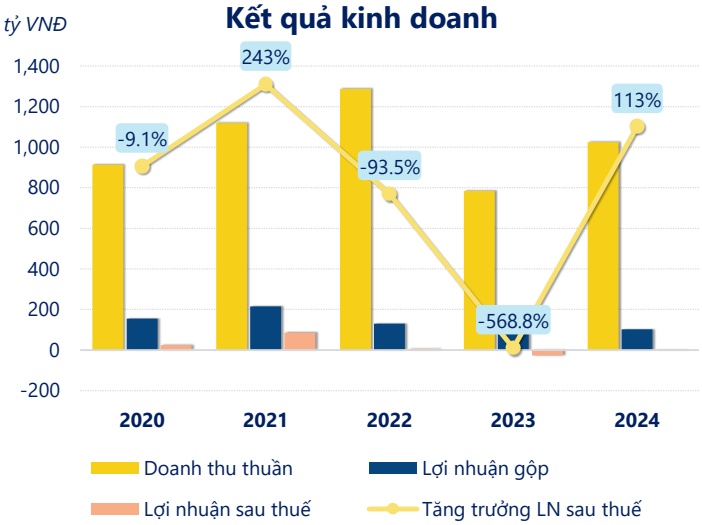
ROA

2024

0.3%

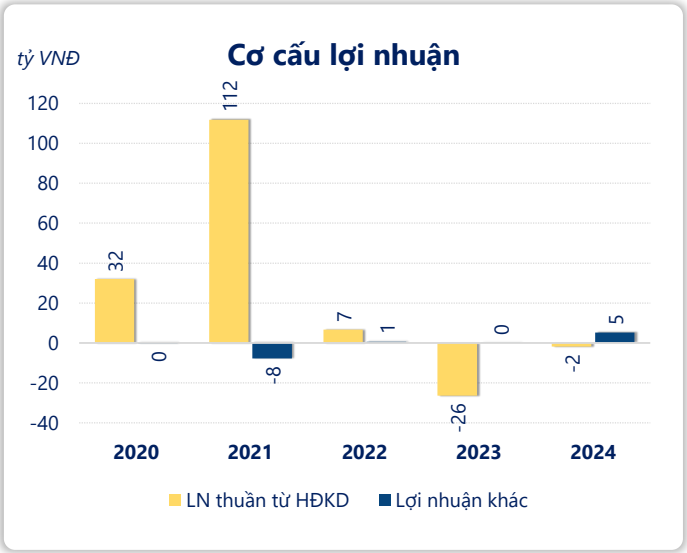
+/- YoY
▲ 2.4%

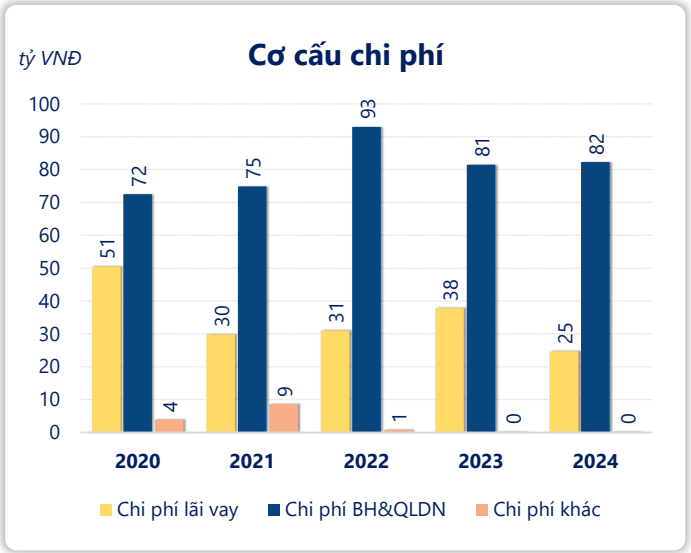




Năm **2024**, **MDF** ghi nhận doanh thu thuần **1,024** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **3.39** tỷ đồng, lần lượt **tăng 30.5%** và **tăng 113%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **0.53%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

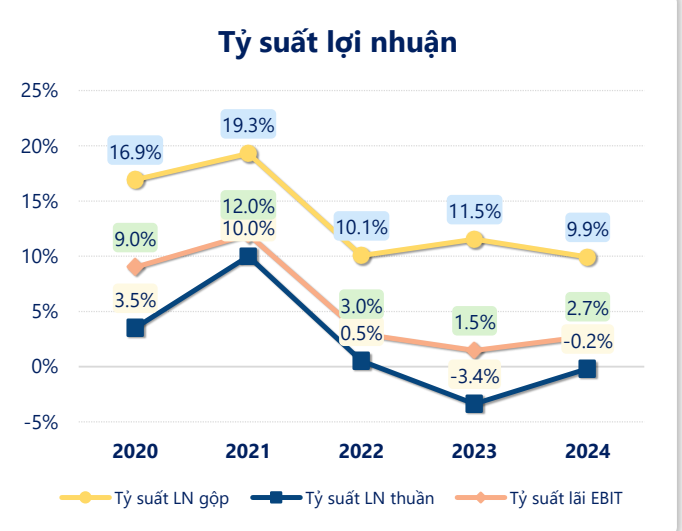


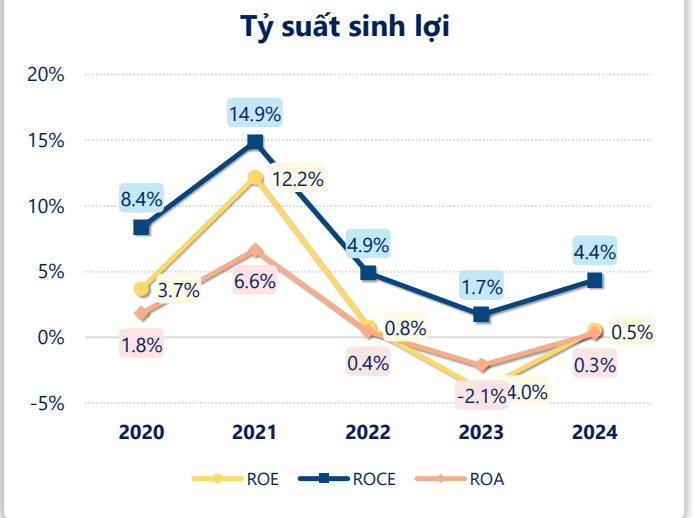


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **MDF** năm **2024 tăng lên 24.60** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 1.86 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 26.46 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

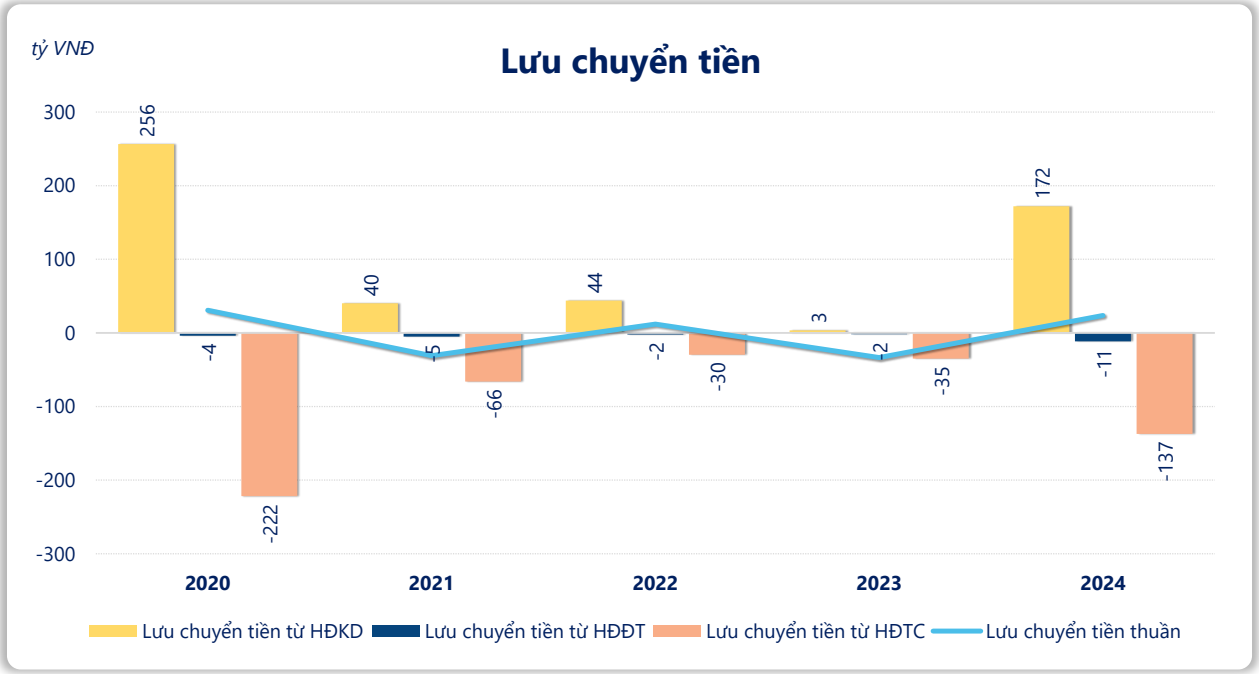
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **24.69** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **82.26** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.22** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của MDF năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **0.53%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**914**	**1,120**	**1,288**	**785**	**1,024**
Giá vốn hàng bán	759	904	1,158	694	923
Lợi nhuận gộp	**155**	**216**	**130**	**90.5**	**102**
Doanh thu HĐTC	0.58	0.62	1.56	2.62	5.64
Chi phí TC	50.7	29.9	31.4	38.1	26.9
Chi phí lãi vay	**50.6**	**29.9**	**31.0**	**37.8**	**24.7**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	60.5	58.9	77.7	68.6	66.5
Chi phí QLDN	12.0	16.0	15.3	12.9	15.8
LN thuần từ HĐKD	**32.0**	**112**	**6.71**	**-26.5**	**-1.86**
Lợi nhuận khác	-0.36	-7.73	0.62	0.18	5.25
LN trước thuế	**31.7**	**104**	**7.33**	**-26.3**	**3.39**
Lợi nhuận sau thuế	**25.0**	**85.9**	**5.61**	**-26.3**	**3.39**
LNST của CĐ cty mẹ	**25.0**	**85.9**	**5.61**	**-26.3**	**3.39**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của MDF bằng **23.59** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-33.46 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **172.0** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-11.32** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-137.1** tỷ đồng.